

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỤC NGẠN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **22/2019/HNGĐ-ST**
Ngày: 19/4/2019
V/v Tranh chấp hôn nhân gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NGẠN**

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Việt Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Trần Đăng Thanh.

2. Ông: Giáp Văn Phẩm.

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Ca - Thẩm tra viên Toà án nhân dân huyện Lục Ngạn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn tham gia phiên toà:
Ông Nguyễn Đức Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lục Ngạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 75/2019/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2019 về việc tranh chấp “Hôn nhân gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị D** - sinh năm 1983.

- Trú quán: Thôn N – Xã TH – Huyện LN - Bắc Giang. Có mặt

* Bị đơn: Anh **Đinh Mạnh H** - Sinh năm 1983.

- - Trú quán: Thôn N – Xã TH – Huyện LN - Bắc Giang. Có mặt khi xét xử, vắng mặt khi tuyên án

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 12/2/2019 và những lời khai của nguyên đơn chị Nguyễn Thị D, lời khai của bị đơn anh Đinh Mạnh H và trong quá trình xét xử nội dung vụ án như sau:

Chị Nguyễn Thị D kết hôn với anh Đinh Mạnh H vào tháng 10 năm 2005. Trước khi kết hôn hai bên có được tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo đúng phong tục địa phương. Chị D anh H có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H – Huyện LN. Sau ngày cưới vợ chồng chung sống cùng nhau ngay và ở riêng tại thôn B – Xã TH – Huyện LN - Bắc Giang. Tình cảm vợ chồng ban đầu H thuận hạnh phúc. Chị D cho rằng đầu năm 2016 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do không H nhau, chưa tìm hiểu kỹ nên dẫn

đến bất đồng quan điểm, ngoài ra năm 2016 anh H còn vi phạm pháp luật phải đi cải tạo do vậy tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt, chị cũng đã bỏ về nhà mẹ đẻ sống và vợ chồng cũng sống ly thân với nhau từ đó cho đến nay. Nay chị D xác định tình cảm vợ chồng với anh H không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H. Anh H cho rằng giữa anh và chị D trong cuộc sống vợ chồng cũng có lúc xảy ra xô sát tuy nhiên đây chỉ là mâu thuẫn nhỏ nhất trong cuộc sống chưa đến mức trầm trọng. Năm 2017 anh có vi phạm pháp luật và phải đi cải tạo hai năm. Trong thời gian này chị D vẫn đến thăm nuôi anh. Anh H xác định vẫn còn tình cảm vợ chồng với chị D, chị D xin ly hôn anh không đồng ý và đề nghị tòa án H giải để vợ chồng anh chị về đoàn tụ.

Về con chung: Trong quá trình chung sống chị D anh H có 02 con chung là cháu Đinh Văn H - Sinh ngày 18/12/2006 và cháu Đinh Hòa B - Sinh ngày 21/10/2013. Vợ chồng ly hôn chị D, anh H thỏa thuận: Anh H nuôi cháu Đinh Văn H, chị D nuôi cháu Đinh H B, việc cấp dưỡng nuôi con chung không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị D, anh H không có tài sản chung, không liên quan vay nợ. Không đề nghị Tòa án giải quyết về tài sản công nợ.

Tại phiên tòa chị D vẫn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện. Đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H và giải quyết việc nuôi con chung. Anh H xác định tình cảm vợ chồng với chị D vẫn còn, chị D kiên quyết ly hôn, anh đồng ý.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về thủ tục tố tụng của Tòa án trong quá trình thụ lý cũng như giải quyết vụ án và sự chấp hành pháp luật của các đương theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định về tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Các đương sự đã chấp hành đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ của mình tại các điều 70, Điều 71, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết, đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 55, Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân gia đình.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Chấp nhận đơn khởi kiện ly hôn của chị Nguyễn Thị D. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị D và anh Đinh Mạnh H.

Giao cho chị Nguyễn Thị D nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là cháu Đinh Hòa B - Sinh ngày 21/10/2013. Giao cho anh Đinh Mạnh H nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là cháu Đinh Văn H - Sinh ngày 18/12/2006. Việc cấp dưỡng nuôi con không đặt ra xem xét giải quyết.

Về tài sản, công nợ không đặt ra xem xét giải quyết
Về án phí chị Nguyễn Thị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Chị Nguyễn Thị D khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn giải quyết ly hôn, con chung với anh Đinh Mạnh H. Đây là quan hệ tranh chấp dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Nguyễn Thị D và anh Đinh Mạnh H tự nguyện tìm hiểu và kết hôn với nhau vào năm 2005 có đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện LN, tỉnh Bắc Giang. Do vậy đây là hôn nhân H pháp. Quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn. Chị D làm đơn xin ly hôn anh H. Hội đồng xét xử nhận thấy chị D, anh H có mâu thuẫn với nhau trong cuộc sống, do hai bên không còn quan tâm tới nhau, không hiểu nhau làm cho tình cảm rạn nứt, cuộc sống không có hạnh phúc. Vợ chồng đã sống ly thân với nhau một thời gian dài. Xét thấy tình cảm hôn nhân giữa chị D và anh H đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Trong quá trình làm việc cũng như tại phiên tòa ngày hôm nay chị D kiên quyết ly hôn, không muốn quay về đoàn tụ với anh H, anh H đề nghị chị D suy nghĩ về đoàn tụ, nếu chị D kiên quyết xin ly hôn anh đồng ý. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 55 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận đơn khởi kiện ly hôn của chị D công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị D và anh Đinh Mạnh H.

[3] Về con chung:

Chị D anh H có 02 con chung là cháu Đinh Văn H - Sinh ngày 18/12/2006 và cháu Đinh Hòa B - Sinh ngày 21/10/2013. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị D anh H đều thống nhất thỏa thuận sau khi ly hôn anh H nuôi cháu Đinh Văn H, chị D nuôi cháu Đinh H B và không đề nghị giải quyết về cấp dưỡng nuôi con. Tại phiên tòa, chị D và anh H vẫn giữ nguyên thỏa thuận như trên. Cháu H cũng có nguyện vọng ở với anh H khi bố mẹ ly hôn. Do vậy cần giao cháu H cho anh H nuôi dưỡng, giao cháu B cho chị D nuôi dưỡng là phù H với khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình và phù H với nguyện vọng của cháu H. Việc cấp dưỡng nuôi con không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung, công nợ chung: Chị D anh H không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, công nợ chung. Nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

*** Vì các lẽ trên.**

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 55, Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân gia đình.

Căn cứ các Điều 6, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị D.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị D và anh Đinh Mạnh H.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị D nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là cháu Đinh Hòa B - Sinh ngày 21/10/2013. Giao cho anh Đinh Mạnh H nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là cháu Đinh Văn H - Sinh ngày 18/12/2006 Việc cấp dưỡng nuôi con không đặt ra xem xét giải quyết. Sau khi ly hôn chị D, anh H được quyền đi lại thăm nuôi con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, công nợ chung: Không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị D phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Xác nhận chị D đã nộp số tiền 300.000 đồng tiền dự phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Ngạn theo biên lai thu số: AA/2018/0005322 ngày 28/2/2019. Khoản tiền này chuyển thành án phí.

Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án.

Nơi nhận:

- Tòa án ND tỉnh Bắc Giang
- Viện kiểm ND tỉnh Bắc Giang;
- Viện kiểm sát ND huyện Lục Ngạn;
- Nguyên đơn, bị đơn;
- Chi cục THA huyện Lục Ngạn.
- UBND xã HG, Huyện LN.
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đã ký

Nguyễn Việt Hùng